TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ NHA TRANG** **TỈNH KHA HÒA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Bản án số: 67/2022/HNGĐ-ST **Ngày: 13/7/2022** ***V/v: Ly hôn***	**NHÂN DANH** **NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ NHA TRANG, TỈNH KHA HÒA

*** Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Bà **Nguyễn Thị Lệ**
- *Các hội thẩm nhân dân*: Bà **Võ Thị Bời**

Bà **Nguyễn Thị Lý**

- *Thư ký phiên tòa:* Ông **Phạm Văn Tuân -** Thư ký Tòa án
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Nha Trang tham gia phiên tòa*: Ông **Nguyễn Giỏi Mạnh Phi** - Kiểm sát viên

Ngày 13 tháng 7 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Nha Trang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 1238/2020/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 10 năm 2020 về việc "Ly hôn" giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn*: Bà **Phạm Thị A**

Trú tại: 45 hẻm 7 M, Hòn Nghê, Vĩnh Ngọc, Nha Trang

* *Bị đơn*: Ông **Nguyễn Quang V**

Trú tại: 45 hẻm 7 M, Hòn Nghê, Vĩnh Ngọc, Nha Trang

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN

* *Nguyên đơn, bà Phạm Thị A trình bày*: Bà và ông Nguyễn Quang V tự nguyện kết hôn năm 2002, có đăng ký kết hôn. Trong quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn nên cuộc sống hôn nhân không có hạnh phúc. Nhận thấy không còn tình cảm gì đối với ông V nên bà yêu cầu được ly hôn.

- Về con chung: Bà và ông Nguyễn Quang V có 02 con chung là Nguyễn Quang Minh, sinh ngày 19/10/2004, Nguyễn Thị Anh Thư, sinh ngày 28/01/2009. Bà yêu cầu được trực tiếp nuôi ai con chung; không yêu cầu ông V cấp dưỡng nuôi con.
- Về tài sản chung: Không yêu cầu tòa án giải quyết
- Về nợ chung: Không có

* *Tại Biên bản lấy lời khai ngày, biên bản hòa giải, bị đơn, ông Nguyễn Quang V trình bày*: Ông không đồng ý ly hôn. Nếu tòa giải quyết cho ly hôn thì các con chung muốn ở với ai ông sẽ tôn trọng ý kiến các con (ông V khai nhưng không ký tên vào biên bản làm việc và bỏ về)

* Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Nha Trang phát biểu ý kiến:

+ Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký trong quá trình giải quyết vụ án đúng quy định của pháp luật.

Tòa án giải quyết vụ án đúng thời hạn theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Nguyên đơn có Đơn xin xét xử vắng, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng mặt. Căn cứ khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt nguyên đơn, và bị đơn.

+ Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

1]. *Về tố tụng*: Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn và bị đơn đều vắng mặt, Xét nguyên đơn có Đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn đã được tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt; căn cứ khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2]. *Về nội dung*: Ông Nguyễn Quang V và bà Phạm Thị A kết hôn trên cơ sở tự nguyện, được Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Ngọc, thành phố Nha Trang cấp Giấy chứng nhận kết hôn ngày 8/4/2002. Đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Bà A xin ly hôn với lý do mâu thuẫn vợ chồng quá trầm trọng, bản thân không còn tình cảm gì với ông V. Ông V không đồng ý ly hôn.

Hội đồng xét xử xét: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cũng đã tạo điều kiện về mặt thời gian để các bên hòa giải, đoàn tụ gia đình. Tuy nhiên nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Còn bị đơn, mặc dù không đồng ý ly hôn nhưng cũng không có thiện chí hàn gắn hạnh phúc gia đình. Nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa bà A và ông V đã trở nên trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, việc bà A xin ly hôn ông V là chính đáng, có căn cứ, phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên chấp nhận.

[3]. *Về con chung:* Ông Nguyễn Quang V và bà Phạm Thị A đều xác định ông bà có 02 con chung là Nguyễn Quang Minh, sinh ngày 19/10/2004, Nguyễn Thị Anh Thư, sinh ngày 28/01/2009

Bà A muốn được trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục 02 con chung, không yêu cầu ông V cấp dưỡng nuôi con. Ông V trình bày nếu tòa án giải quyết ly hôn thì việc nuôi con chung ông sẽ thuận theo ý kiến của các con. Tại Biên bản lấy lời khai, cháu Nguyễn Quang V, Nguyễn Thị Anh Thư đều có nguyện vọng được ở với mẹ. Do đó Hội đồng xét xử quyết định giao con chung cho bà A trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đối với ông Nguyễn Quang V.

Nếu sau này các đương sự có tranh chấp về việc thay đổi người trực tiếp nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con chung sẽ được tòa án xem xét giải quyết bằng vụ án dân sự khác khi có đơn yêu cầu.

[4]. *Về tài sản chung*: Bà A và ông V không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5]. *Về án phí*: Bà A phải nộp tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 28, 264, 266 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 110 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

* *Tuyên xử*:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn;

Bà Phạm Thị A được ly hôn ông Nguyễn Quang V

2. Về con chung: Giao con chung Nguyễn Quang Minh, sinh ngày 19/10/2004, Nguyễn Thị Anh Thư, sinh ngày 28/01/2009 cho bà Phạm Thị A trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục

Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đối với ông Nguyễn Quang V

Ông V có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở

3. Về án phí: Bà Phạm Thị A phải nộp 300.000đ tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm; Nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí bà A đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2016/0017650 ngày 26/10/2020 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Nha Trang. Bà A đã nộp đủ tiền án phí theo quy định.

* *Quy định chung*: Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA

Nguyễn Thị Lệ

* <u>*Nơi nhận*:</u>

- VKSND TP.Nha Trang
- VKSND tỉnh KhA Hòa
- TAND tỉnh Khánh Hoà;
- Chi cục THADS TP.Nha Trang;
- UBND xã Vĩnh Ngọc
- Các đương sự;

- Lưu